CÔNG TY CỔ PHẦN
THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /2018/NQ-ĐHĐCĐ

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 4 năm 2018

PHÙNG TRUNG HOÀI
Digitally signed by PHÙNG TRUNG HOÀI
Date: 2018.04.23 13:16:04 +07'00'

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH - VINACOMIN

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, ngày 21/04/2018 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh – Vinacomin;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.

1. Các chỉ tiêu chủ yếu thực hiện năm 2017:

- Than nguyên khai sản xuất 2.573/2.700nghìn tấn, bằng 95,32% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2017, bằng 102,94% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 102,61 % so với năm 2016; trong đó:

+ Than hầm lò sản xuất 2.230/2.250 nghìn tấn, bằng 92,92% so với nghị quyết của ĐHCĐ năm 2017, bằng 99,12% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 98,77% so với năm 2016;

+ Than lộ vỉa: 142/200 nghìn tấn, bằng 70,98% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2017, bằng 94,64% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 139,17% so với năm 2016;

+ Than giao thầu: 100,5/100 nghìn tấn, bằng 100,5% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017, bằng 100,5% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 68,4% so với năm 2016;

- Mét lò đào mới: 26.965/28.875 m, bằng 93,39% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2017, bằng 103,62% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 87,94% so với năm 2016, trong đó:

+ Mét lò CBSX: 25.603/26.790 m bằng 95,57% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017, bằng 103,93% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 99,74% so với năm 2016;

+ Mét lò XDCB: 1.362/2.085 m, bằng 65,3% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017, bằng 98,17% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 27,26% so với năm 2016;

- Than sạch sản xuất: 2.181,7/2.376 nghìn tấn, bằng 91,82% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017, bằng 100,63% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 98,45% so với năm 2016;

- Bóc đất đá lộ vỉa: 1.296/1.880 nghìn m3, bằng 68,95% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017, bằng 94,48% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 122,17% so với năm 2016.

- Tiêu thụ than: 2.047/2.376 nghìn tấn, bằng 86,15% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017, bằng 94,33% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 98,27% so với năm 2016.

- Doanh thu tổng số: 2.915,6/3.017,5tỷ đồng, bằng 96,62% so với Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2017, bằng 90,97% so với kế hoạch điều chỉnh và bằng 105,14% so với năm 2016.

- Giá thành và giá bán:

+ Giá thành sản xuất: 1.210.271 đồng/ tấn; bằng 110,2 % so năm 2016;

+ Giá thành tiêu thụ: 1.390.262 đồng/ tấn; bằng 111,1 % so năm 2016;

+ Giá bán bình quân: 1.412.284 đồng/ tấn; bằng 110,5% so năm 2016;

- Tiền lương và thu nhập:

+ Quỹ lương thực hiện: 728.236 triệu đồng, bằng 99,2 % so với năm 2016;

+ Thu nhập lương bình quân: 10.803.000 đồng/người-tháng, bằng 97,9% so với Nghị quyết ĐHĐCĐ (11.035.000 đồng/người-tháng), bằng 100,27 % so với năm 2016.

+ Lao động sử dụng bình quân trong năm: 5.618 người/KH 5.896 người, bằng 95,3 % so so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 (5.896 người);

- Công tác đầu tư: Giá trị thực hiện ĐTXD 459 tỷ/946,189 tỷ đồng bằng 48,5% kế hoạch năm và bằng 46,0% với năm 2016.

- Nộp ngân sách năm 2017 là 895,34 tỷ đồng, bằng 111% so với năm 2016;

- Lợi nhuận trước thuế: 38.682 triệu đồng, bằng 96,1 % so với Nghị quyết của năm ĐHCĐ năm 2017, bằng 100,47% so với năm 2016

2. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
I	Than nguyên khai	tấn	2.450.000	
1	Than hầm lò	"	2.250.000	
2	Than lộ thiên	"	100.000	
3	Than giao thầu	"	100.000	
II	Than sạch	"	2.094.000	
III	Mét lò mới	mét	25.680	
-	Lò CBSX	mét	25.680	
V	Bóc đất đá	m3	920.000	
VI	Tiêu thụ	tấn	2.244.000	
VIII	Doanh thu than	tr.đ	3.276.880	
IX	Lợi nhuận	tr.đ	41.145	

Mục tiêu điều hành kế hoạch SXKD năm 2018 của Công ty là: Điều hành sản xuất theo nhu cầu thị trường, đầu tư hợp lý, triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu, trọng tâm là tái cơ cấu kỹ thuật-đổi mới công nghệ, hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động, tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm đảm bảo tăng trưởng phù hợp, hiệu quả, bền vững.

Cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động đặc biệt là đội ngũ thợ lò. Mục tiêu chung là **"AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN".**

Điều 2. Thông qua đề án tái cơ cấu Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin giai đoạn 2017 - 2020.

1. Mục tiêu:

Xây dựng Công ty cổ phần than Vàng Danh-Vinacomin trở thành một trong các doanh nghiệp thành viên của TKV có trình độ công nghệ, mô hình quản trị theo hướng hiện đại và chuyên môn hoá; cơ cấu tổ chức, lao động gọn nhẹ, hợp lý; nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh; hoạt động hiệu quả, bền vững; giữ vai trong trong công việc đảm bảo cung ứng sản phẩm than cho TKV; xây dựng mối quan hệ hài hoà trong Công ty, vừa đảm bảo lợi ích của TKV và của Công ty, đảm bảo lợi ích của người lao động trong Công ty.

2. Mục tiêu cụ thể:

Các chỉ tiêu chủ yếu phải đạt được đến năm 2020:

Sản phẩm chủ yếu:

+ Sản lượng than nguyên khai: 2.500.000 tấn/năm (trong đó than hầm lò: 2.300.000 tấn, than lộ thiên: 100.000 tấn/năm, than giao thầu: 100.000 tấn/năm).

+ Mét đào lò chuẩn bị sản xuất: 26.680m/năm.

- Doanh thu: tăng tối thiểu 6%/năm.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH: Cân đối để đảm bảo đạt tỷ lệ cổ tức hàng năm theo định hướng của TKV và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Quy mô lao động theo sản lượng mục tiêu: không quá 5.150 người.

- Thu nhập bình quân người lao động: tăng tối thiểu 5%/năm.

- Tỷ lệ cổ tức hàng năm của Công ty: Tối thiểu bằng/hoặc phấn đấu cao hơn lãi suất tiền gửi có kỳ hạn bình quân 12 tháng của Ngân hàng VietinBank.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động và kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Công ty năm 2017, phương hướng nhiệm vụ năm 2018.

Điều 4. Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý điều hành năm 2017 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2017 của Ban Kiểm soát Công ty.

Điều 5. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Điều 6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

(1)Tổng lợi nhuận trước thuế	: 38.682.282.863 đồng
(2) Nộp thuế thu nhập Doanh nghiệp	: 8.430.285.481 đồng
(3) Chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại	: 269.092.026 đồng
(5) Lợi nhuận còn lại sau khi đã nộp thuế TNDN	: 29.982.905.356 đồng
(a) Trả cổ tức 4% trên vốn điều lệ	: 17.985.145.600 đồng.

(b) Lợi nhuận sau khi chi trả cổ tức còn lại là : 11.997.759.756 đồng

- Trích 0% quỹ đầu tư phát triển sản xuất : 0 đồng
- Trích quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp : 445.000.000 đồng
- Lợi nhuận còn lại trích quỹ khen thưởng, phúc lợi : 11.552.759.756 đồng

Điều 7. Thông qua mức chi trả thù lao cho thành viên kiêm nhiệm HĐQT; BKS Công ty năm 2017, Kế hoạch chi trả thù lao cho thành viên HĐQT; BKS Công ty năm 2018.

1. Chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017.

a) Mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát chuyên trách:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2017	Ghi chú
1.	Trưởng ban Kiểm soát	31.846.000 đ/ tháng	

b) Mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát kiêm nhiệm

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2017	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	7.200.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	6.369.000 đ/ tháng	
3.	Thành viên Ban kiểm soát	5.815.000 đ/tháng	

c) Tổng số tiền chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, BKS năm 2017 là: 913.824.000 đồng.

Trong đó:

- Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên HĐQT: 392.112.000 đồng;
- Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên BKS : 521.712.000 đồng.

+ Thù lao Ban kiểm soát kiêm nhiệm: 139.560.000 đồng;

+ Thù lao Trưởng ban Kiểm soát chuyên trách: 382.152.000 đồng

2. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2018

a) Mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát chuyên trách:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2018	Ghi chú
1.	Trưởng ban Kiểm soát	31.846.000 đ/ tháng	

b) Mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, ban Kiểm soát kiêm nhiệm:

Công ty trả bằng 20% mức lương kế hoạch của các chức danh người quản lý tương ứng theo quy định, cụ thể:

STT	Chức danh	Mức thù lao năm 2018	Ghi chú
1.	Chủ tịch HĐQT	7.200.000 đ/ tháng	
2.	Thành viên HĐQT	6.369.000 đ/ tháng	
3.	Thành viên Ban kiểm soát	5.815.000 đ/tháng	

Điều 8. Thông qua đề xuất mức cổ tức năm 2018.

Tình hình tiêu thụ than năm 2018 của Tập đoàn TKV tại khu vực Vàng Danh, Uông Bí, Mạo khê chưa có sự tăng trưởng, than tồn kho vẫn ở mức cao. Quan điểm chỉ đạo là giữ ổn định sản lượng của các đơn vị và cân đối đủ việc làm cho người lao động; phấn đấu điều hành về hạn mức tồn kho hợp lý, khi thị trường tiêu thụ có sự tăng trưởng, sẽ cân đối điều hành tăng kế hoạch sản xuất theo nhu cầu thị trường.

Hội đồng quản trị Công ty đề xuất mức cổ tức năm 2018 là từ **3% ÷ 8%.**

Mức cổ tức chi trả thực tế của năm 2018 sẽ được biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018.

Điều 9. Thông qua phương án huy động vốn phục vụ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

1. Huy động vốn để thực hiện đầu tư các dự án: 234,79 tỷ đồng;

2. Huy động vốn trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 146,3 tỷ đồng;

3. Huy động vốn lưu động phục vụ SXKD năm 2018: Nhu cầu vốn ngắn hạn (vốn lưu động) bình quân một tháng: 627,6 tỷ đồng.

Điều 10. Thông qua việc chuyển trụ sở của Công ty

1. Trụ sở làm việc hiện nay tại địa chỉ: số 185 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

2. Trụ sở làm việc mới tại địa chỉ: số 969 Đường Bạch Đằng - Phường Quang Trung - Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

Điều 11. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty.

1. Sửa đổi điều lệ Công ty theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về việc hướng về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP

2. Sửa đổi mục 6 Điều 2 của Điều lệ:

- Trụ sở đăng ký của Công ty trước sửa đổi là: Địa chỉ trụ sở chính: Số 185, Nguyễn Văn Cừ, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;

- Trụ sở đăng ký của Công ty sau khi sửa đổi là: Địa chỉ trụ sở chính: số 969 Đường Bạch Đằng - Phường Quang Trung - Thành phố Uông Bí, Tỉnh Quảng Ninh

Điều 12. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin.

Điều 13. Thông qua Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán:

Tên công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH PKF Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 10, tòa nhà Center Building, hapulico Complex, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điều 14. Thông qua kết quả bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023 Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin gồm những ông/bà sau:

- Ông: Phạm Công Hương
- Ông: Phan Xuân Thủy
- Ông: Trịnh Xuân Thỏa
- Ông: Nguyễn Trọng Tốt
- Ông: Trịnh Văn An

Điều 15. Thông qua kết quả bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin gồm những ông/bà sau:

- Bà: Trần Thị Vân Anh
- Ông: Phùng Thế Anh
- Bà: Nguyễn Thị Thủy Dịu

Điều 16. Giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; Ban Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết này.

Điều 17. Nghị quyết này được Đại hội cổ đông thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Than Vàng Danh-Vinacomin thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
- Các cổ đông;
- HĐQT; BKS; Ban Giám đốc;
- Lưu: VP; TKCT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN VÀNG DANH VINACOMIN

Phạm Trung Tuấn